UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 125a/QĐ-GDĐT	*Điện Biên, ngày 26 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thu hồi dự toán tạm giao; giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc điều chỉnh giảm dự toán; giao bổ sung dự toán năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị và UBND các xã thực hiện nhiệm vụ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số thu hồi dự toán tạm giao, giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường trực thuộc, bộ phận kế toán phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Phòng TC- KH huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu :VT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
H. ĐIỆN BIÊN - T. ĐIỆN BIÊN

Đặng Quang Huy

Đơn vị: Phòng Giáo dục vào Đào tạo

Chương 622

THU HỒI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠM GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-PGDĐT huyện Điện Biên ngày tháng 4 năm 2023)

STT	Nội dung	Tổng số tạm giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó																										
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																													
I	Số thu phí, lệ phí																													
1	Lệ phí																													
2	Phí																													
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại																													
1	*Chi sự nghiệp giáo dục*																													
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																													
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																													
2	*Chi quản lý hành chính*																													
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																													
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																													
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước																													
1	Lệ phí																													
2	Phí																													
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.348,00	2.348,00	-	91,31	25,80	-	138,90	208,50	152,18	206,10	319,77	147,30	78,12	132,95	16,74	58,86	130,02	123,21	69,12	122,58	37,73	93,69	22,95	91,33	-	46,56	-	34,29	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.348,00	2.348,00	-	91,31	25,80	-	138,90	208,50	152,18	206,10	319,77	147,30	78,12	132,95	16,74	58,86	130,02	123,21	69,12	122,58	37,73	93,69	22,95	91,33	-	46,56	-	34,29	-
1	*Chi quản lý hành chính*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-																												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																													
	Mầm non			Mầm non xã Thanh Luông	Mầm non xã Thanh Chăn	Mầm non xã Thanh Hưng	Mầm non xã Thanh Yên	Mầm non số 2 xã Thanh Yên	Mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt	Mầm non xã Noong Luống	Mầm non xã Mường Lói	Mầm non xã Mường Nhà	Mầm non xã Pa Thơm	Mầm non xã Hẹ Muông	Mầm non xã Mường Pồn	Mầm non xã Thanh Nưa	Mầm non xã Hua Thanh	Mầm non xã Na Ư	Mầm non xã Noong Hẹt	Mầm non xã Thanh An	Mầm non xã Pom Lót	Mầm non số 2 xã Mường Pồn	Mầm non số 2 xã Na Tông	Mầm non Pu Lau xã Mường Nhà	Mầm non xã Phu Luông	Mầm non xã Sam Mứn	Mầm non số 1 xã Na Tông	Mầm non xã Thanh Xương	Mầm non xã Núa Ngam	
2	Chi sự nghiệp giáo dục	460,0616	460,0616	-	-	-	-	-	-	-	43,20	23,22	-	42,12	65,00	-	58,86	41,58	-	-	-	37,73	39,42	-	28,08	-	46,56	-	34,29	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	460,0616	460,0616								43,20	23,22		42,12	65,00		58,86	41,58				37,73	39,42		28,08		46,56		34,29	
	Tiểu học			Tiểu học xã Thanh An	Tiểu học xã Noong Hẹt	Tiểu học số 2 xã Thanh Xương	Tiểu học số 1 xã Thanh Xương	Tiểu học xã Thanh Hưng	Tiểu học xã Thanh Chăn	Tiểu học xã Thanh Nưa	PTDTBT tiểu học xã Mường Pồn	PTDTBT tiểu học số 2 xã Na Tông	PTDTBT tiểu học số 1 xã Na Tông	Tiểu học Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt	Tiểu học xã Thanh Yên	Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn	Tiểu học xã Noong Luống	Tiểu học xã Núa Ngam	PTDTBT tiểu học xã Mường Lói	PTDTBT tiểu học số 2 xã Mường Pồn	Tiểu học xã Hua Thanh	Tiểu học xã Thanh Luông	PTDTBT tiểu học xã Mường Nhà	Tiểu học xã Pom Lót	Tiểu học xã Hẹ Muông					
	Chi sự nghiệp giáo dục	833,17	833,17	-	41,58	-	-	-	-	-	106,80	68,58	94,50	-	33,75	16,74	-	51,84	87,21	69,12	122,58	-	54,27	22,95	63,25	-	-	-	-	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											

2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	833,1675	833,1675		41,58						106,80	68,58	94,50		33,75	16,74		51,84	87,21	69,12	122,58		54,27	22,95	63,25					
	THCS			**THCS xã Thanh Chân**	**THCS xã Noong Luống**	**THCS xã Thanh An**	**THCS xã Núa Ngam**	**Tiểu học & THCS xã Na Ư**	**PTDTBT TH &THCS xã Phu Luông**	**PTDTBT THCS xã Mường Nhà**	**THCS xã Thanh Nưa**	**THCS xã Mường Pồn**	**Tiểu học & THCS xã Pa Thơm**	**TH & THCS xã Sam Mứn**	**THCS xã Noong Hẹt**	**THCS xã Thanh Xương**	**THCS xã Thanh Hưng**	**THCS xã Thanh Yên**	**THCS xã Pom Lót**	**THCS xã Thanh Luông**										
	Chi sự nghiệp giáo dục	**1.054,7710**	**1.054,7710**	**-**	**49,73**	**25,80**	**-**	**138,90**	**208,50**	**152,18**	**56,10**	**227,97**	**52,80**	**36,00**	**34,20**	**-**	**-**	**36,60**	**36,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.054,77095	1.054,77095		49,725	25,80		138,90	208,500	152,175	56,10	227,970950	52,80	36,00	34,20			36,60	36,00											

Đơn vị: Phòng Giáo dục vào Đào tạo

Chương 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số /QĐ-PGDĐT huyện Điện Biên ngày tháng 4 năm 2023)

STT	Nội dung	Tổng số tạm giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó																										
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**																													
I	**Số thu phí, lệ phí**																													
1	Lệ phí																													
2	Phí																													
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**																													
1	***Chi sự nghiệp giáo dục***																													
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																													
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																													
2	***Chi quản lý hành chính***																													
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																													
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																													
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**																													
1	Lệ phí																													
2	Phí																													
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**2.348,00**	**2.348,00**	-	91,31	25,80	-	138,90	208,50	152,18	206,10	319,77	147,30	78,12	132,95	16,74	58,86	130,02	123,21	69,12	122,58	37,73	93,69	22,95	91,33	-	46,56	-	34,29	-
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**2.348,00**	**2.348,00**	-	91,31	25,80	-	138,90	208,50	152,18	206,10	319,77	147,30	78,12	132,95	16,74	58,86	130,02	123,21	69,12	122,58	37,73	93,69	22,95	91,33	-	46,56	-	34,29	-
1	***Chi quản lý hành chính***	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-																												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																													
	Mầm non			**Mầm non xã Thanh Luông**	**Mầm non xã Thanh Chăn**	**Mầm non xã Thanh Hưng**	**Mầm non xã Thanh Yên**	**Mầm non số 2 xã Thanh Yên**	**Mầm non Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt**	**Mầm non xã Noong Luống**	**Mầm non xã Mường Lói**	**Mầm non xã Mường Nhà**	**Mầm non xã Pa Thơm**	**Mầm non xã Hẹ Muông**	**Mầm non xã Mường Pồn**	**Mầm non xã Thanh Nưa**	**Mầm non xã Hua Thanh**	**Mầm non xã Na Ư**	**Mầm non xã Noong Hẹt**	**Mầm non xã Thanh An**	**Mầm non xã Pom Lót**	**Mầm non số 2 xã Mường Pồn**	**Mầm non số 2 xã Na Tông**	**Mầm non Pu Lau xã Mường Nhà**	**Mầm non xã Phu Luông**	**Mầm non xã Sam Mứn**	**Mầm non số 1 xã Na Tông**	**Mầm non xã Thanh Xương**	**Mầm non xã Núa Ngam**	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**460,0616**	**460,0616**	-	-	-	-	-	-	-	43,20	23,22	-	42,12	65,00	-	58,86	41,58	-	-	-	37,73	39,42	-	28,08	-	46,56	-	34,29	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	460,0616	460,0616								43,20	23,22		42,12	65,00		58,86	41,58				37,73	39,42		28,08		46,56		34,29	
	Tiểu học			**Tiểu học xã Thanh An**	**Tiểu học xã Noong Hẹt**	**Tiểu học số 2 xã Thanh Xương**	**Tiểu học số 1 xã Thanh Xương**	**Tiểu học xã Thanh Hưng**	**Tiểu học xã Thanh Chăn**	**Tiểu học xã Thanh Nưa**	**PTDTBT tiểu học xã Mường Pồn**	**PTDTBT tiểu học số 2 xã Na Tông**	**PTDTBT tiểu học số 1 xã Na Tông**	**Tiểu học Hoàng Công Chất xã Noong Hẹt**	**Tiểu học xã Thanh Yên**	**Tiểu học Yên Cang xã Sam Mứn**	**Tiểu học xã Noong Luống**	**Tiểu học xã Núa Ngam**	**PTDTBT tiểu học xã Mường Lói**	**PTDTBT tiểu học số 2 xã Mường Pồn**	**Tiểu học xã Hua Thanh**	**Tiểu học xã Thanh Luông**	**PTDTBT tiểu học xã Mường Nhà**	**Tiểu học xã Pom Lót**	**Tiểu học xã Hẹ Muông**					
	Chi sự nghiệp giáo dục	**833,17**	**833,17**	-	41,58	-	-	-	-	-	106,80	68,58	94,50	-	33,75	16,74	-	51,84	87,21	69,12	122,58	-	54,27	22,95	63,25	-	-	-	-	-
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	833,1675	833,1675		41,58						106,80	68,58	94,50		33,75	16,74		51,84	87,21	69,12	122,58		54,27	22,95	63,25					

	THCS			THCS xã Thanh Chăn	THCS xã Noong Luống	THCS xã Thanh An	THCS xã Núa Ngam	Tiểu học & THCS xã Na Ư	PTDTBT TH &THCS xã Phu Luông	PTDTBT THCS xã Mường Nhà	THCS xã Thanh Nưa	THCS xã Mường Pồn	Tiểu học & THCS xã Pa Thơm	TH & THCS xã Sam Mứn	THCS xã Noong Hẹt	THCS xã Thanh Xương	THCS xã Thanh Hưng	THCS xã Thanh Yên	THCS xã Pom Lót	THCS xã Thanh Luông										
	Chi sự nghiệp giáo dục	**1.054,7710**	**1.054,7710**	**-**	**49,73**	**25,80**	**-**	**138,90**	**208,50**	**152,18**	**56,10**	**227,97**	**52,80**	**36,00**	**34,20**	**-**	**-**	**36,60**	**36,00**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																											
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.054,77095	1.054,77095		49,725	25,80		138,90	208,500	152,175	56,10	227,970950	52,80	36,00	34,20			36,60	36,00											